

## ĐÔI NÉT VỀ CHÍNH SÁCH SỬ DỤNG CÁC QUAN LẠI CỦA MINH MẠNG ĐỐI VỚI VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ

LÊ THỊ THANH HÒA

Lên ngôi từ 1820, Minh Mạng đã trị vì đất nước trong 20 năm (1820-1840). Trong thời gian đó, Minh Mạng đã làm được khá nhiều công việc, đặc biệt chính sách đối với các dân tộc thiểu số là điều Minh Mạng đã tỏ ra có ý thức.

Những ghi chép và tư liệu về các công việc liên quan đến các dân tộc ít người ở Việt Nam dưới thời Minh Mạng bao gồm một khối tư liệu tương đối lớn, tỉ mỉ, cụ thể trong các tập Biên niên sử của triều Nguyễn do Quốc sử quán nhà Nguyễn biên soạn như *Đại Nam thực lục*, *Minh Mệnh chính yếu* qua đó có thể cho thấy Minh Mạng đã thực hiện một chính sách dân tộc có hệ thống. Trong bộ "Minh Mệnh" để dành riêng một phần nhằm tập hợp các vấn đề, sự kiện cơ bản của chính sách dân tộc của nhà vua, (quyển XXIV, thiên XXI) và tập Minh Mệnh chính yếu, quyển XXV, có nhiều sự kiện về biên giới nước ta. Ở bài viết nhỏ này, chúng tôi cố gắng tìm hiểu và tập trung khai thác các ghi chép trong Minh Mệnh chính yếu để góp phần làm sáng tỏ chính sách sử dụng các quan lại của Minh Mạng đối với các dân tộc ít người ở Việt Nam.

Thực ra, ở một đất nước như đất nước ta, nơi có nhiều dân tộc, miền xuôi, cũng như miền ngược, mà Nhà nước nào cũng phải quan tâm đến, Trước hết là vấn đề đối với người trong bộ máy nhà nước. Trước thời Minh Mạng trị vì, các vùng dân tộc ít người ở miền núi Việt Nam thường giao cho thổ tù (thủ lĩnh các dân tộc miền núi), Châu mục quản giữ. Thời Minh Mạng không còn dùng các thổ quan như trước, nhà nước phong kiến đã đưa các quan lại người miền xuôi lên nắm giữ các vùng biên giới chủ yếu ở Bắc Bộ và Trung Bộ. Chính sách này hầu như rất ít có hiệu quả vì vấp phải sự chống đối mạnh mẽ của các thủ lĩnh địa phương. Do vậy, từ thời

Tự Đức có nơi, lại trao cho thổ tù địa phương quản lý như cũ.

Dưới thời Minh Mạng, lãnh thổ quốc gia Việt Nam đã được xác định, biên giới quốc gia phía Bắc tiếp giáp với Trung Quốc và Ai Lao đã được khẳng định và xác lập khá vững chắc. Phía Nam, biên giới cũng đã được hoạch định cơ bản. Công việc chính của Minh Mạng là bảo vệ và duy trì vững chắc cương giới, xác lập quyền quản lý đối với toàn bộ lãnh thổ đất nước. Có thể nói, vùng các dân tộc ít người ở phía Bắc, nhà nước phong kiến Nguyễn đã kiểm soát được tương đối vững chắc. Minh Mạng vẫn duy trì chế độ quản lý đất nước theo các triều đại trước. Việc nộp thuế khóa, kiểm soát dân đinh, và phong quan tước cho họ trong phạm vi cần thiết. Minh Mạng đã sớm nhận thức được tầm quan trọng đối với các vùng cư trú của các dân tộc ít người như vùng gần biên giới Việt - Trung. Bởi vậy, sau khi lên ngôi, Minh Mạng đã tiến hành cuộc "ngự giá" đến các vùng biên giới Việt Bắc, các vùng Tuyên Quang, Hưng Hóa, Thái Nguyên, Yên Quảng nhằm đưa ra các biện pháp về việc phòng thủ đất nước.

Từ những kinh nghiệm của các triều đại trước, Minh Mạng vẫn tiếp tục đẩy mạnh chính sách thống trị của mình đối với các dân tộc ít người ở phía Bắc. Ông vừa lợi dụng các tầng lớp trên ở các vùng dân tộc, vừa tăng cường sự kiểm soát của Nhà nước, đồng thời trực tiếp đi vào nội bộ các dân tộc để kiểm soát cho được chặt chẽ hơn. Năm Minh Mạng thứ 3 (1822), nhân việc nhà vua bãi bỏ đề nghị của quan trấn Thanh Hóa xin cho Hà Công Quỳnh nối nghiệp cha cai trị "thổ dân" ở địa phương đạo Thanh Hóa thượng, nhà vua đã xuống dụ rằng: "... kể từ nay các công vụ của địa phương họ (tức vùng dân tộc ở Thanh Hóa - TG) cần phải được báo cáo lên thượng cấp. Ngoại trừ các việc quan hôn

tang tế, tạm cho thi hành các tục lệ ở địa phương, Minh Mạng đã có những quy định khá chặt chẽ trong các vùng dân tộc ở Việt Nam bằng cách bắt buộc các quan lại ở các vùng dân tộc ít người thường xuyên phải thông báo kịp thời những sự kiện khẩn cấp để nhà vua trực tiếp giải quyết. Ngoài những sự kiện cấp bách, nhà vua còn quy định hàng năm các quan lại ở các vùng dân tộc ít người phải đến Kinh đô trình diện với nhà vua.

Theo Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập (quyển thứ 32, trang 33-46) vùng đất Nam Bàn (Tây Nguyên) là nơi cai quản của hai phiên vương Thủy Xá và Hỏa Xá. Năm Minh Mạng thứ 10 (1829), Thủy Xá có phái người đến Phú Yên xin cống nạp cho triều đình. Cũng vào năm này, nhà vua còn xuống dụ: "... Những thổ ty đạo Cam Lộ, bấy lâu nay là bề tôi của triều đình, đời đời giữ việc dâng cống. Năm ngoái nhân việc biên vụ, bọn ấy mới nghe được triều đình mời liên tề tỵ ngay. Trẫm xem lòng cảm kích của chúng chân thành nên đã xuống chỉ dạy, kỳ dâng cống năm nay cho chúng đến Kinh đô nhận thưởng. Trước tiên đem những bồ tử màu xanh trong bộ y phục từng thất phẩm của ba viên cai tri châu người bản thổ ấy đang mặc đổi cho họ thứ màu đỏ để rõ lẽ đặc cách. Lại thưởng cho ba viên thổ tri châu ấy cùng 6 người đi thay, 17 viên thổ lại mục, tất cả 26 viên áo dài bằng the thiết mỗi người một cái, cho 10 viên đầu mục mỗi người áo dài bằng the thiết một cái, khiến cho bọn ấy đều biết tập theo phong hóa mặc áo, đổi mào để thanh uy và giáo hóa của triều đình lần lần truyền mãi vô cùng. (Nhu Viễn, Tư dữ Thuộc Man, tài liệu đã dẫn...)

Năm Minh Mạng thứ 12 (1831), đoàn sứ giả của Thủy Xá đã đến Kinh đô Huế để dâng cống, còn đoàn Hỏa Xá thì mãi đến đầu năm (1841) mới chính thức triều cống.

Năm Minh Mạng thứ 13 (1832), nhân dịp lễ khánh tiết vạn thọ, nhà vua cho phép các dân tộc thiểu số ở miền núi được chọn từ 3 đến 5 người về kinh đô để chúc mừng nhà vua.

Đối với các dân tộc vùng Tây Nguyên và Bắc Trung bộ là nơi có địa bàn cư trú gồm nhiều dân tộc dọc tuyến biên giới Ai Lao và Cao Miên, nơi xa xôi hẻo lánh, nhà nước phong

kiến thời Gia Long (1802-1819) đã buộc các vùng này phải cống nộp và thuần phục. Nhà vua có khuynh hướng lập một trật tự quản lý mới, phân chia các ranh giới hành chính và cử các quan lại đến các dân tộc ít người.

Năm Minh Mạng thứ 17 (1836), nhà vua lại tiến hành một cuộc tuần du đến các vùng dân tộc ở miền Tây Quảng Trị để xem xét tình hình. Vùng Tây Nguyên do điều kiện địa hình xa xôi, sự hiểu biết về các dân tộc chưa nhiều, nên gặp rất nhiều khó khăn trong việc quản lý, Minh Mạng vẫn duy trì quan hệ thuần phục, khuyến khích những người đứng đầu các bộ tộc, định kỳ yết kiến nhà vua và cống nạp các sản vật hàng năm cho nhà vua.

Đối với dân tộc Chăm, Minh Mạng vẫn tiếp tục đường lối của Gia Long (1802-1819), là tạm duy trì sự tồn tại của các dòng họ của vua Chăm, đẩy mạnh việc quản lý hành chính, ban các họ cho người Chăm cũng như việc quy định về y phục, sinh hoạt của người Chăm phải giống như người Việt, ngoài ra Minh Mạng còn cử các quan lại người Việt đến cai trị vùng người Chăm. Ở một số nơi, Minh Mạng còn có chủ trương phân tán người Chăm nhằm chống lại sự phản ứng của họ và từng bước đồng hóa người Chăm.

Trong công cuộc khai phá vùng đồng bằng sông Cửu Long, người Khơ-me đã có những đóng góp đáng kể trong công cuộc này của nhà Nguyễn. Người Khơ-me ở nước ta vốn có những quan hệ với người Khơ-me ở Cao Miên nên đã có một vị trí quan trọng trong cuộc bảo vệ vùng biên giới phía Tây Nam. Dưới thời Gia Long, nhà Nguyễn cũng đã áp dụng chính sách mang tính chất "tự trị" cho phép các quan lại người Khơ-me cai trị vùng Khơ-me, phong chức tước cho các quan lại người địa phương, duy trì các phong tục tập quán của người Khơ-me. Đến thời Minh Mạng, nhà vua đã tăng cường việc kiểm soát đối với người Khơ-me, Minh Mạng đã cử các quan lại người Việt đến cai trị ở các địa phương người Khơ-me và quy định việc ăn, mặc, phải theo người Việt. Nhà vua còn đặt các họ cho người Khơ-me để ghi vào sổ sách, định thuế nhân đinh, điền thổ ở tại các vùng người Khơ-me.

Việc sử dụng các quan lại đối với vùng Khơ-me là điều Minh Mạng đặc biệt quan

tâm, nhà vua đã cử những viên quan có năng lực như Thoại Ngọc Hầu, Trương Minh Giảng giữ trọng trách trong việc giữ gìn bờ cõi đất nước ở phía Nam, trực tiếp đối phó với những âm mưu của các Vương quốc Xiêm La và Cao Miên. Họ là những viên quan rất tích cực trong việc thi hành các chính sách của nhà vua đề ra đối với người Khơ-me “hết sức khéo léo trong mọi trường hợp, trấn an và phủ dụ dân địa phương”.

Dụ của Minh Mạng năm thứ 2 (1821), “đó là vùng biên giới quan trọng của quốc gia... cho nên phải đặc biệt chú ý đến việc cai trị...” Dụ năm Minh Mạng thứ 11 (1830).

Thái độ của nhà nước phong kiến không những chú trọng đến việc sử dụng quan lại phục vụ cho việc thống trị của triều đại mình mà còn rất quan tâm đến việc đào tạo các viên chức người dân tộc thiểu số và viên chức người Kinh để lên công tác ở miền núi, vấn đề này đã được các vua nhà Nguyễn chú trọng đề cao, có thể nói rằng vấn đề đào tạo các viên chức này đã được hệ thống lại thành một kế hoạch thống nhất của quốc gia.

Năm Minh Mạng thứ 15 (1834), nhà vua đã ra lệnh cho các Bộ, Viện lựa chọn những con em dưới 16 tuổi cho học tập ngôn ngữ, phong tục tập quán của các dân tộc ít người ở Tây Nguyên, chờ khi họ học xong thì chọn những người có kiến thức sẽ được liệu đường mà thân dụng. Các thông dịch viên Thượng ngữ, đảm nhận công tác thông ngôn, thông sự, hướng dẫn sứ bộ và phiên dịch các bản văn... Những thông dịch viên Thượng ngữ này được triều đình nhà Nguyễn coi trọng và thường được xếp vào hàng Bát phẩm và Cửu phẩm. Điều đó chứng tỏ, chính sách dân tộc của nhà Nguyễn có cơ sở và tiến bộ so với các triều đại trước đó. Rút được những kinh nghiệm, khắc phục các thiếu sót, khuyết điểm trong chính sách đối với các dân tộc thiểu số thời Hậu Lê; chính sách dân tộc của Gia Long thể hiện song song cả hai mặt: kinh tế và quốc phòng. Có nghĩa là vừa ổn định và cải

thiện đời sống của đông bào các dân tộc ít người ở miền núi vừa bảo vệ sự an ninh trên toàn lãnh thổ của Tổ quốc.

Nhà Nguyễn với chính sách sử dụng quan lại nói chung và triều Minh Mạng nói riêng, đã thiết lập một nhà nước quân chủ Trung ương tập quyền mạnh, “Hoàng đế là người cao nhất trong một nước, quan lại thuộc hạ các cấp đều là tôi tớ của hoàng đế...”.

Việc sử dụng quan lại của nhà vua Minh Mạng đối với các vùng dân tộc ít người nhằm giữ vững biên cương của Tổ quốc, nhà vua đã huy động một lực lượng đông đảo các vùng dân tộc vào sự nghiệp phòng thủ đất nước. Bởi vậy, gần cuối đời Minh Mạng còn căn dặn các quan lại nơi biên viễn rằng: “Trăm đã từng dinh ninh... đối nội phải hết sức trừ liệu binh dị, đối ngoại phải hết sức phủ dụ nhân dân biên thù, cốt làm thế nào để cho nhân tâm được thỏa hiệp, cương giới lãnh thổ của ta thêm vững mạnh...” (Dụ năm Minh Mạng thứ 20 (1839)).

Nhìn lại quá trình sử dụng các quan lại đối với vùng dân tộc ít người, Minh Mạng đã đề ra một số chính sách đáng quan tâm, chính quyền nhà Nguyễn đã tăng cường đội ngũ quan lại việc quản lý và mở rộng quyền cai trị ở nhiều vùng dân tộc, đã củng cố một bước đội ngũ các quan lại tại vùng dân tộc ít người trên lãnh thổ Việt Nam. Về các dân tộc nhìn chung đã có sự thống nhất hiểu biết và xích lại gần nhau hơn trong cùng một cộng đồng, một quốc gia thống nhất, với chính sách dùng người của mình, Minh Mạng đã thu phục được đội ngũ quan lại trong việc giữ gìn biên cương của Tổ quốc nhất là vùng biên giới phía Bắc, phía Tây và Tây Nam. Các quan lại ở các vùng dân tộc ở vùng biên giới cũng đã góp phần đáng kể vào việc chống lại những âm mưu bành trướng, lấn chiếm lãnh thổ nước ta trong những năm của thế kỷ thứ XIX.

#### CHÚ THÍCH

- Theo *Đại Nam thực lục*, Viện Sử học, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 1962-1978).

- Theo *Minh Mạng chính yếu* - bản dịch - Sài Gòn, 1974 do Hoàng Văn Hóc, Nguyễn Quang Tô dịch và chú (quyển 22, 23, 24, 25)